

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MUỜNG CHÀ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16/6/2020

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản Chng khi ly hôn.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hưng*

*Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Khoàng Văn Hặc.*

*2. Ông: Quàng Văn Sun*

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phìn Đại Quảng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MC tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Khá** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện MC tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/HNGĐ-ST ngày 12/02/2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Sùng A S; Sinh năm: 1979

Địa chỉ cư trú: Bản HX, xã NS, huyện MC, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Hờ Thị M; Sinh năm: 1981

Địa chỉ cư trú: Bản HX, xã NS, huyện MC, tỉnh Điện Biên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Sùng Vả Ch. Sinh năm: 1952 và bà Vàng Thị L: Sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ: Bản HX, xã NS, huyện MC, tỉnh Điện Biên.

4. Người phiên dịch tiếng Mông: Bà Vàng Thị D – Sinh năm: 1990 – Địa chỉ: Tổ dân phố số 11, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Điện Biên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện ngày 16/01/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn anh Sùng A S trình bày:***

- Về hôn nhân: Tôi và chị Hờ Thị M tìm hiểu và yêu thương nhau trên cơ sở tự nguyện, được sự nhất trí của hai bên gia đình chúng tôi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đến UBND xã để đăng ký kết hôn; thời gian đầu chúng tôi Chng sống hạnh phúc, sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, L do mâu thuẫn là

do vợ chồng tôi bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau không hòa thuận, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay không còn quan tâm cuộc sống của nhau, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì chúng tôi chưa có đăng ký kết hôn nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện MC xét xử cho tôi được ly hôn với chị M.

- Về con: Chúng tôi có 03 con chung là cháu: Sùng A Gi. Sinh năm: 2001; Cháu: Sùng A N, sinh năm: 2003; Cháu: Sùng A Kh. sinh năm: 2005. Cháu Sùng A Gi đã trên 18 tuổi và đã có vợ, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn hai cháu Sùng A N và Sùng A Kh đều đã trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với bố đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi các con cùng tôi. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh S đề nghị các cháu Sùng A N và Sùng A Kh có nguyện vọng ở cùng với ai thì đề nghị Tòa án chấp nhận và không yêu cầu giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Chúng tôi trong thời kỳ chung sống với nhau có những tài sản sau:

+ 01 ngôi nhà và bếp tổng trị giá khoảng 38.000.000 (Ba mươi tám triệu) đồng, (Xây dựng trên 01 nền nhà mượn của ông Sùng Vả Ch và bà Vàng Thị L trị giá khoảng 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

+ 01 bộ đồ sửa xe máy trị giá khoảng 20.000.000 đồng, 01 máy xẻ gỗ trị giá khoảng 12.000.000 đồng, 01 máy tuốt lúa trị giá khoảng 12.000.000 đồng, 01 máy sát gạo trị giá khoảng 4.500.000 đồng, 01 chiếc máy khâu trị giá khoảng 500.000 đồng, 01 cái cân trị giá khoảng 400.000 đồng, 01 xe máy trị giá khoảng 2.000.000 đồng, 55 bao thóc trị giá khoảng 27.500.000 đồng.

Anh S có nguyện vọng được sử dụng 01 bộ đồ sửa xe máy, 01 máy xẻ gỗ, 01 chiếc xe máy và 28 bao thóc, chia cho chị M sử dụng 01 máy tuốt lúa, 01 máy sát gạo, 01 máy khâu, 01 cái cân và 27 bao thóc. Còn về 01 ngôi nhà và bếp ai ở thì người đó có trách nhiệm trả tiền đất nền nhà và tiền nợ ngôi Pro xi măng là 8.100.000 đồng cho ông Ch và bà L.

- Về nợ chung: Nợ bố mẹ đẻ của anh S 8.100.000 đồng tiền mua ngôi Pro xi măng lợp nhà.

Về phần tài sản Chung của vợ chồng và nợ Chung trước anh có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản Chung, nhưng tại đơn xin rút một phần đơn ly hôn đề ngày 29/5/2020, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh không yêu cầu Tòa chia tài sản Chung, giải quyết nợ Chung của vợ chồng anh.

**Tại đơn đề nghị và tại biên bản hòa giải ngày 29/5/2020 chị Hồ Thị M trình bày:**

Về hôn nhân: Về hôn nhân: Tôi và anh Sùng A S tìm hiểu và yêu thương nhau trên cơ sở tự nguyện, được sự nhất trí của hai bên gia đình chúng tôi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đến UBND xã để đăng ký kết hôn; thời gian đầu chúng tôi Chng sống hạnh phúc, sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, L do mâu thuẫn là do vợ chồng tôi bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau không hòa thuận, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay không còn quan tâm cuộc sống của

nhau, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh S có đơn ly hôn với tôi, vì chúng tôi chưa có đăng ký kết hôn nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện MC xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Về con: Chúng tôi có 03 con Chung là Cháu: Sùng A Gi. Sinh năm: 2001; Cháu: Sùng A N, sinh năm: 2003; Cháu: Sùng A Kh. sinh năm: 2005. Cháu Sùng A Gi đã trên 18 tuổi và đã có vợ, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn hai cháu Sùng A N và Sùng A Kh đều đã trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với ai là do các cháu tự quyết định. Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi các con cùng tôi.

Về phân tài sản Chung và nợ Chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Sùng Thị M có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Sùng A S vì L do anh S có tình cảm với người khác nên mới yêu cầu ly hôn với chị, về tài sản Chung, nợ Chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị M có yêu cầu anh S phải bồi thường do sức khỏe bị giảm sút khi sau khi lấy và sinh con cho anh S, tiền chi phí đi lại khi tham gia tố tụng tại Tòa án là 20 triệu đồng.

**\* Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Sùng Vă Ch, bà Vàng Thị L trình bày:**

Chúng tôi có một ngôi nhà ở bản HX, xã NS hiện tại con trai Sùng A S và con dâu Hồ Thị M đang ở, nguồn gốc ngôi nhà trên là do chúng tôi mua của ông Hồ A Di từ năm 1998, trước kia ông Di ở cùng bản HX với chúng tôi hiện nay ông Hồ A Di Chuyển đi ở nơi khác, chúng tôi không biết địa chỉ ông Hồ A Di hiện tại ở đâu, khi mua bán không làm giấy tờ, lúc đó trị giá ngôi nhà và mảnh đất nền là 400.000 đồng (thời điểm đó trị giá con trâu to cũng chỉ được 1.000.000 đồng), lúc chúng tôi mua bán có ông Lầu A Vư (Lầu Sênh Vư) và ông Sùng Giăng Nénh đều ở cùng bản biết, nhưng lúc chúng tôi đưa tiền cho nhau thì các ông Vư, Nénh đều không nhìn thấy. Chúng tôi sử dụng đất từ năm 1998 đến năm 2002 thì con trai tôi đã lấy vợ và có 01 đứa con trai nên tôi cho con trai tôi mượn sử dụng, đất đến hiện tại vẫn chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chúng tôi có được Nhà nước hỗ trợ tám lợp Pro xi măng 180 tấm, con trai Sùng A S và con dâu Hồ Thị M cần trước nên đã lấy của chúng tôi sử dụng, khi nào chúng tôi cần để làm nhà thì các con hứa sẽ trả lại bằng tiền là 8.100.000 đồng (tám triệu một trăm nghìn đồng).

Tại đơn đề nghị, biên bản hòa giải ngày 29/5/2020 và tại phiên tòa ông Sùng Vă Ch và bà Vàng Thị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết phân tài sản liên quan đến ông bà là nền đất dựng nhà của Sùng A S, Hồ Thị M và số tiền nợ 8.100.000 đồng.

Tại đơn đề nghị nguyện vọng của cháu Sùng A Kh và Sùng A N, hai cháu đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ, đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ L vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng qui định của pháp luật. Riêng bị đơn là chị Hồ Thị M chấp hành chưa nghiêm quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên vi phạm này không nghiêm trọng. Đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 71; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Sùng A S và chị Hồ Thị M. Giao các cháu Sùng A N sinh ngày 01/9/2003 và cháu Sùng A Kh sinh ngày 03/01/2015 cho chị Hồ Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản Chng và phần nợ Chng.

*Về án phí:* Anh Sùng A S là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ. Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí cho anh S.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **\* Về tố tụng:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MC theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách của các đương sự: Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định anh Sùng A S là nguyên đơn, chị Hồ Thị M là bị đơn. ông Sùng Vả Ch và bà Vàng Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

#### **\* Về nội dung vụ án:**

[3] *Xét quan hệ hôn nhân:* Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Sùng A S và chị Hồ Thị M về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000, chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn (xác nhận của UBND xã NS, huyện MC) là có thật. Đến thời điểm anh S có đơn khởi kiện xin ly hôn, mặc dù hai bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng hai bên vẫn không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, việc hai bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Nay anh Sùng A S có đơn xin ly hôn, nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án thụ lý

yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Sùng A S và chị Hồ Thị M.

[4] **Về con Chng:** Anh Sùng A S và chị Hồ Thị M có 03 con Chng là cháu Sùng A Giàng - Sinh năm: 2001; cháu Sùng A N - Sinh ngày 01/9/2003; cháu Sùng A Kh sinh ngày 03/01/2005. Đối với các cháu Sùng A Giàng đã trưởng thành và có gia đình riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết HĐXX không xem xét giải quyết. Đối với các cháu Sùng A N, cháu Sùng A Kh anh S và chị M thống nhất các cháu có nguyện vọng ở với ai là do các cháu tự quyết định, đề nghị Tòa chấp nhận nguyện vọng của các cháu. Tại đơn đề nghị cháu Sùng A Kh và cháu Sùng A N đều có nguyện vọng được ở với chị Hồ Thị M. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay chị M đang quản L nhà, đất nương và có điều kiện chăm sóc các con, nguyện vọng của các cháu N, Kh cũng đề nghị được ở cùng với mẹ do vậy cần giao cháu Sùng A N, cháu Sùng A Kh cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi các con anh S, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình khi có yêu cầu.

[5] **Về tài sản Chng:**

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn anh Sùng A S đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản Chng, giải quyết nợ Chng. Bị đơn chị Hồ Thị M có đơn đề nghị không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ Chng, tài sản Chng vợ chồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ch và bà L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết phần nhà, đất nền nhà và tiền nợ mua ngôi Pro xi măng. HĐXX xét thấy nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, bị đơn không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản Chng, nợ Chng, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết phần tài sản liên quan đến quyền lợi của mình là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, theo quy định tại khoản 2 Điều 71, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự, cần được chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa chị M có yêu cầu anh S phải bồi thường do sức khỏe bị giảm sút khi sau khi lấy và sinh con cho anh S, tiền chi phí đi lại khi tham gia tố tụng tại tòa án là 20 triệu đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc đi lại tham gia tố tụng là quyền và nghĩa vụ của bị đơn, mặt khác chị M không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, anh Sùng A S không chấp nhận yêu cầu này của chị M nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của chị M.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét và có quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[7] **Về án phí:** Anh Sùng A S là dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí đối với anh Sùng A S.

***Vì các lý do trên:***

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 71; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; các Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tuyên xử:

*1. Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Sùng A S và chị Hồ Thị M

*2. Về con chung:* Giao cháu Sùng A N - Sinh ngày 01/9/2003; cháu Sùng A Kh sinh ngày 03/01/2005 cho chị Hồ Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết.

Anh Sùng A S được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

*3. Về tài sản chung và nợ chung:* Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tài sản chung và nợ chung.

*4. Về án phí:* Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí DSST đối với anh Sùng A S.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Anh Sùng A S, chị Hồ Thị M, người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Sùng Văn Ch, bà Vàng Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/6/2020).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC;
- TA tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Tiến Hưng**

